

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định
về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm
cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ
Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và
kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định quy định quản lý nhà nước về
giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước
về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các
văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên
địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quyết định số 81/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên
địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường;
- Công báo Tỉnh;
- VPUB: các PCVP;
- Lưu VT, KT (MDung).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trí Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 125/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ GIÁ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện bình ổn giá

1. Sở Công Thương chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm; phân DAP; phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

3. Sở Y tế chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

4. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 của Luật Giá số 16/2023/QH15 thuộc lĩnh vực quản lý ngành,

lĩnh vực theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá khi có yêu cầu của các cơ quan quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và theo phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

6. Cơ quan quy định khoản 1, 2, 3, 4 Điều này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định và báo cáo kết quả bình ổn giá gửi Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì triển khai.

b) Đối với việc bình ổn giá tại địa phương, đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp; tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh kết quả bình ổn giá để báo cáo Chính phủ; đồng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

7. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm chấp hành biện pháp bình ổn giá được công bố và thực hiện kê khai lần đầu, kê khai lại mức giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều này.

Điều 4. Điều chỉnh danh mục bình ổn giá

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh danh mục bình ổn giá, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 Quy định này tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục bình ổn giá.

2. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Đơn vị lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh

1. Đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Doanh nghiệp nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

4. Các tổ chức, đơn vị khác sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

5. Các tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng.

6. Tổ chức, đơn vị quy định tại Điều này có trách nhiệm lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định; có trách nhiệm giải trình về phương án giá trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Điều này yêu cầu giải trình và chịu trách nhiệm về phương án giá do mình lập.

Điều 6. Thẩm quyền, trách nhiệm thẩm định, trình phương án giá

1. Sở Xây dựng chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

- a) Giá cụ thể nước sạch tại khu vực đô thị;
- b) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- c) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước);
- d) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;
- đ) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý;
- e) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;
- g) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;
- h) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;
- i) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô;
- k) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- l) Giá nhà ở công vụ, nhà ở xã hội thuộc tài sản công theo quy định của Luật Nhà ở;
- m) Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn; nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở;
- n) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương;

c) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương;

d) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

đ) Giá cụ thể nước sạch tại khu vực nông thôn;

e) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

g) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

h) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân;

i) Giá tiền đền bù đối với quyền sử dụng giống cây trồng được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền;

k) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Y tế chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;

b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

d) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Công Thương chủ trì thẩm định phương án giá:

a) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước;

b) Giá điện (bán lẻ, bán buôn); các dịch vụ về điện theo quy định của Luật Điện lực bao gồm: dịch vụ phát điện, dịch vụ truyền tải điện, dịch vụ phụ

trợ hệ thống điện, dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện, dịch vụ điều hành giao dịch thị trường điện lực, dịch vụ phân phối điện theo quy định của pháp luật về điện lực;

c) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực công thương theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Tư pháp chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

a) Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng;

b) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

a) Giá học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục;

b) Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học;

c) Giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

d) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

a) Giá tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được;

b) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thẩm định, trình phương án giá:

a) Giá tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Giá dịch vụ thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh chủ trì thẩm định phương án:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương;

b) Khung giá, giá tối đa, giá cụ thể đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ;

c) Giá dịch vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

10. Cơ quan chủ trì thẩm định, trình phương án giá quy định tại Điều này chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá chưa có quy định, hướng dẫn về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở tên gọi chung); ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan;

b) Lựa chọn tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 5 Quy định này lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh;

c) Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi thẩm định do cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân lập phương án giá gửi; thực hiện thẩm định đúng thẩm quyền, nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá và thời gian thẩm định theo quy định; phối hợp, lấy ý kiến Sở Tài chính và cơ quan có liên quan trong quá trình thẩm định (nếu cần); chịu trách nhiệm về mức giá đề xuất bảo đảm nguyên tắc, căn cứ, phương pháp định giá; không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phê duyệt hoặc giải quyết trước đó.

Điều 7. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá:

1. Cơ quan quy định tại Điều 6 Quy định này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá.

2. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban

nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 8. Hiệp thương giá

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hiệp thương giá thuê công trình ngầm trên địa bàn theo quy định pháp luật về quản lý giá.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hiệp thương giá đối với hàng hóa thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý trừ trường hợp hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Mục 4

KÊ KHAI GIÁ

Điều 9. Danh mục kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thực hiện trên phạm vi cả nước theo quy định tại Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương:

- a) Dịch vụ lưu trú;
- b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;
- c) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;
- d) Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển;
- đ) Cát san lấp, cát xây dựng;
- e) Sét, đất các loại;
- g) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- h) Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

Điều 10. Đối tượng thực hiện kê khai giá

1. Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh và không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành.

2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn (ngoài các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện kê khai giá tại Bộ Y tế) và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý.

Điều 11. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá

1. Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh về công tác bình ổn giá trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp quy định tại Điều 3 Quy định này tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản I Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn thẩm định phương án giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định tại Điều 6 Quy định này tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản II Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Sở Xây dựng tiếp nhận kê khai giá đối với xi măng; nhà ở, nhà chung cư; công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê); dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi; dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển; cát san lấp, cát xây dựng.

4. Sở Công Thương tiếp nhận kê khai giá đối với than; Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG), thép xây dựng quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận kê khai giá đối với thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản; đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện; muối ăn quy định tại khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; giống phục vụ sản xuất nông nghiệp; sét, đất các loại.

6. Sở Y tế tiếp nhận kê khai giá đối với thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi; thiết bị y tế; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân của các tổ chức sản xuất, kinh doanh quy định khoản IV Mục A Phụ lục V Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với dịch vụ lưu trú;

8. Sở quản lý ngành, lĩnh vực tiếp nhận hồ sơ kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 12. Điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; ban hành danh sách tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá

1. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá:

a) Cơ quan quy định tại Điều 11 Quy định này tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đưa hàng hóa, dịch vụ ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá;

b) Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

2. Định kỳ vào ngày 01 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Tỉnh, các sở quản lý ngành, lĩnh vực có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức kê khai giá tại các sở. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì sở quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh việc không cần ban hành Danh sách kê khai giá mới.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan tiếp nhận kê khai giá

1. Rà soát, đề xuất quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được giao tiếp nhận, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về giá tại địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành văn bản quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở tên gọi chung) đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

2. Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, lựa chọn hình thức tiếp nhận kê khai giá phù hợp, đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai.

3. Cập nhật thông tin về giá kê khai vào cơ sở dữ liệu về giá.

4. Rà soát danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

5. Sử dụng mức giá do tổ chức kê khai vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá; công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật phục vụ mục tiêu bình ổn giá và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá.

6. Rà soát nội dung văn bản kê khai giá do tổ chức kê khai, bao gồm rà soát về ngày thực hiện mức giá kê khai, bảng kê khai mức giá, phần giải trình lý do điều chỉnh giá; yêu cầu bằng văn bản các tổ chức thực hiện kê khai giá cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan, báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

7. Bảo mật mức giá kê khai của tổ chức trong thời gian mức giá kê khai

chưa có hiệu lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá

1. Thực hiện hình thức kê khai giá theo hướng dẫn của cơ quan tiếp nhận kê khai giá.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và số liệu của mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá và mặt bằng giá thị trường; chấp hành thực hiện báo cáo về mức giá kê khai theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận kê khai giá để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra giá; chấp hành việc kiểm tra (bao gồm kiểm tra yếu tố hình thành giá) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Mục 5

**KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ,
CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ**

Điều 15. Hàng hóa, dịch vụ thuộc các trường hợp kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Hàng hoá, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường, ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân, mặt bằng giá thị trường.

2. Hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường khi xảy ra tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh hoặc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh để phục vụ công tác quản lý, điều hành giá.

Điều 16. Trách nhiệm trong việc kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 Quy định này tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15.

2. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ hoặc được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ khác trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tại khoản 1, 2 Điều này khi có yêu cầu phối hợp thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá.

Điều 17. Kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá

1. Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, địa phương theo phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh tại Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời, báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính kiểm tra về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân công tại quy định này; phối hợp cơ quan quy định tại khoản 1, 2 Điều 16 và khoản 1 Điều này kiểm tra trong trường hợp cần thiết hoặc theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra chuyên ngành về giá, thẩm định giá.

Mục 6

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 18. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy chế vận hành phần mềm dữ liệu giá tại địa phương.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu theo lĩnh vực ngành được phân công vào cơ sở dữ liệu giá theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân công tại quy chế vận hành phần mềm dữ liệu giá tại địa phương.

Mục 7

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ngành trong công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Cơ quan tổng hợp, dự báo thị trường theo lý ngành, lĩnh vực

- a) Sở Công Thương: khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: nhóm lương thực, thực phẩm, nhóm vật tư nông nghiệp;
- c) Sở Xây dựng: nhóm vật liệu xây dựng; nhóm dịch vụ giao thông;
- d) Sở Y tế: nhóm dịch vụ y tế;
- đ) Sở Giáo dục và Đào tạo: nhóm dịch vụ giáo dục;

e) Cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương đối với hàng hóa, dịch vụ khác khi có yêu cầu báo cáo đột xuất.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, dự báo giá thị trường đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC thuộc địa bàn gửi về các ngành chuyên môn tại khoản 1 Điều này trước ngày 20 hằng tháng đối với báo cáo định kỳ; theo đúng thời hạn được giao đối với báo cáo đột xuất; đồng gửi về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

3. Thống kê tỉnh Đồng Tháp phối hợp cung cấp cho Sở Tài chính báo cáo phân tích chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có); dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI (nếu có).

4. Các Sở, ngành theo phân công tại khoản 1 Điều này thực hiện tổng hợp, dự báo giá thị trường theo mẫu quy định đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC hoặc hàng hóa, dịch vụ khác khi có yêu cầu báo cáo đột xuất, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, xây dựng báo cáo giá thị trường.

5. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường tổng hợp định kỳ của địa phương hoặc báo cáo đột xuất gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân Tỉnh trình trực tiếp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo định kỳ, đột xuất cho Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 20. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường

1. Nội dung báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo thực hiện theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính).

2. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính tổng hợp theo khoản 4 Điều 19 Quy định này:

a) Trước ngày 25 hằng tháng đối với báo cáo định kỳ (báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm);

b) Theo đúng thời hạn được giao đối với báo cáo đột xuất.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Trách nhiệm của sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý nhà nước về giá

1. Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá, biện pháp bình ổn giá và văn bản của Trung ương và Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành.

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo chức năng, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về giá, thẩm định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương trong từng giai đoạn, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch để triển khai các giải pháp phù hợp nhằm ổn định mặt bằng giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ được giao quản lý.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn khác về quản lý nhà nước về giá theo quy định của Luật số 16/2023/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan và phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế./.